TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **83**/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 18-7-2024
Về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu PH.

Bà Đoàn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2024/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án số 156/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2879/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8498/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Xuân Q**, năm sinh: 1959; địa chỉ: Số X đường Y, Khu phố C, phường A, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh; *người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông **Kiều Đại B**, sinh năm 1972; địa chỉ: Số K đường I, phường O, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 8 năm 2019). Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; địa chỉ: Số X đường Y, Khu phố C1, phường A, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **Ủy ban nhân dân quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh;** địa chỉ: Số G đường V, Phường L , quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh; *người đại diện theo ủy*

quyền: Ông **Lại Phú C** – chức danh: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 6 năm 2024). Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Thanh T** (Nguyễn Thanh D), sinh năm 1976; địa chỉ: Số N Đường J, Phường F, Quận E1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Ông **Dương Quốc B1**, sinh năm 1974;

+ Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Số Đ1 đường Đ, Tổ Đ3, Khu phố T2, phường Đ4, thành phố R, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

+ Ông **Phạm Xuân P**, sinh năm 1968;

+ Bà **Nguyễn Thị Bích C**, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Số Y đường Y2, Phường Y3, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1977;

+ Bà **Nguyễn Thị P1**, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Số V1 đường V, Phường L , quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Thanh T2**, sinh năm 2002; địa chỉ: Số X đường Y, Khu phố C, phường A, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Bà **Nguyễn Thị Kim R1,** sinh năm 1959; địa chỉ: Số Z đường Y, Khu phố C1, phường A, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1.1] Nguyên đơn ông Phạm Xuân Q trình này:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn do ông chưa ly hôn với người vợ đã kết hôn trước đó. Ông và bà H thuê nhà tại Ấp W , xã Z1 , huyện N1 (nay là quận H1) để ở. Ông làm việc tại doanh nghiệp Lộc Bình Phú với chức danh Phó giám đốc công ty và bà H lo nội trợ trong gia đình. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, giữa hai người dần phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn tin tưởng nhau, không còn tình cảm với nhau và sống ly thân. Hiện tại, ông đã nghỉ việc vì thường xuyên ốm đau, bệnh tật. Nhận thấy không thể duy trì được quan hệ chung sống nên ông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Đối với bản photo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 11 do Ủy ban nhân dân xã K2, huyện K3, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 20 tháng 10 năm 1996: Khi

chung sống vào năm 1996, do ông và bà H không thể trực tiếp về quê đăng ký kết hôn nên ông đã xin chính Q xã K2, huyện K3, tỉnh Hà Tĩnh mẫu Giấy chứng nhận kết hôn và hai người tự viết nội dung, sau đó gửi về chứng thực tại đại pH. Tuy nhiên, thực tế ông và bà H không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xã K2. Đây là tài liệu thể hiện thời gian ông và bà H tự nguyện chung sống với nhau. Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc và ông không thể cung cấp được bản trích lục do không có hồ sơ lưu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K2.

Do không thể tiếp tục chung sống, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H.

- Về con chung: Giữa ông và bà H có một con chung là Phạm Anh T3, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1998, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Năm 1996 ông và bà H mua của ông Nguyễn Văn Đ2, trú tại số Q, Ấp Q1, xã Z1, huyện N1 (nay là quận H1) 01 thửa đất nông nghiệp có diện tích khoảng 80 m² (ngang 4m, sâu 20m) với giá 04 lượng vàng. Ông và bà H trực tiếp thỏa thuận với ông Đẹp và cùng nhau góp tiền để mua 04 lượng vàng 9999 thanh toán cho ông Đẹp. Khi mua đất vì ông và bà H không có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên có nhờ người em bên vợ là Nguyễn Thanh D đứng tên giùm trên "Tờ hợp đồng xin được chuyển quyền sử dụng đất". Đến tháng 7 năm 1997 thì ông và bà H xây nhà cấp IV trên đất và chuyển về cư trú cho đến nay. Số tiền xây dựng khoảng 13.000.000 đồng hoàn toàn từ thu nhập của ông vì bà H không có việc làm. Năm 2006, ông và bà H sửa chữa lại nhà, nâng nền, nâng mái, ông ở 01 phòng, bà H và con ở 01 phòng, còn lại 04 phòng cho người khác thuê trọ theo hợp đồng miệng hàng tháng, ông và bà H mỗi người thu tiền trọ 02 phòng.

Ngày 23 tháng 02 năm 2016, chủ đất cũ là ông Nguyễn Văn Đ xác nhận lại việc mua bán đất với nội dung: "*Vào năm 1997 tôi có làm giấy thỏa thuận sang nhượng đất cho vợ chồng anh Q và chị H một thửa đất với diện tích khoảng 80m2 với giá là 4 cây vàng. Khi mua vợ chồng anh Q trực tiếp thỏa thuận và trả tiền (vàng) cho tôi còn số vàng của ai thì tôi không rõ nguồn gốc"*.

Trong quá trình mua đất, các lần kê khai năm 1998 và cấp số nhà do ông đi làm ăn xa không có ở nhà và tin tưởng bà H nên không có tên ông trong các giấy tờ trên. Ngoài ra, bà H chỉ ở nhà nội trợ nên không có tiền, trong khi đó ông đi làm nên toàn bộ số tiền vàng mua đất là ông đưa cho bà H để mua.

Ông xác định nhà và đất nêu trên là tài sản chung của ông và bà H được tạo lập trong thời kỳ chung sống với nhau.

Bà H đã tự ý thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất nêu trên, ông đã trao đổi nhằm thoả thuận phân chia tải sản chung nhưng bà H không đồng ý.

Ông yêu cầu Toà án giải quyết:

+ Hủy giấy chứng nhận số H00156/2008 ngày 24 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân quận H1 cấp cho bà Nguyễn Thị H.

+ Phân chia tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ số X đường Y, phường A, quận H1 trị giá 4.648.000.000 đồng, ông yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản.

- Về nợ chung: Không có.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Xuân Q chung sống với nhau từ tháng 03 năm 1997 không đăng ký kết hôn do ông Q chưa ly hôn với người vợ đã kết hôn trước đó và bà cũng chưa ly hôn với người chồng trước tên Phạm Văn H2. Bà và ông H2 đăng ký kết hôn ở quê nhưng không có sổ gốc nên không trích lục được giấy tờ, ông H2 bỏ đi từ tháng 02 năm 1997 cho đến nay, bà không có thông tin liên hệ của ông Huy. Mặt khác, bà H chỉ muốn có con nên không quan tâm đến việc đăng ký kết hôn với ông Q.

Năm 1997, bà sống một mình và ở nhờ nhà người quen tại xã Z1, huyện N1và quen biết ông Q khi đó là công nhân của Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam. Ông Q sống chung với bà đến năm 2000 thì bỏ đi, đến ngày 30 tháng 12 năm 2008 thì quay về xin được chăm sóc bà lúc tuổi già. Sau đó, giữa hai người bắt đầu xảy ra nhiều xung đột liên quan đến tài sản riêng do bà tạo lập, do đó, ông Q yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Giữa bà và ông Q có 01 con chung tên Phạm Anh T3, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1998 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Giữa bà và ông Phạm Xuân Q không có tài sản chung.

Đối với nhà và đất tại Số X đường Y, Khu phố C, phường A, quận H1: Vào tháng 06 năm 1997, bà mua đất của ông Nguyễn Văn Đ với giá là 5 lượng vàng (1,25 lượng vàng/mét ngang, chiều dài khoảng hơn 20m), tiền mua đất là tiền của cá nhân bà dành dụm từ nhiều năm. Khi đi thanh toán tiền mua đất bà xác nhận có rủ ông Q cùng đi để làm chứng, giấy mua bán thì bà là người ký tên. Sau khi mua đất, bà san lấp rồi xây dựng nhà vách lá, mái tole, nền xi măng và đã cải tạo sửa chữa nhiều lần. Đến năm 2005, nhà nước làm đường Trần Thanh Mại nên đầu năm 2006 bà đã nâng nền và xây dựng nhà có hiện trạng như hiện nay. Bà khẳng định nhà và đất nêu trên là tài sản riêng của bà, do bà mua đất, xây nhà từ nguồn tiền cá nhân bà tiết kiệm, vay mượn.

Hiện tại, bà đã được Nhà nước công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận số H00156/2008/Tân Tạo A do Ủy ban nhân dân quận H1 cấp ngày 24 tháng 04 năm 2008 và đã chuyển nhượng cho ông Dương Quốc B1.

Đối với giấy xác nhận ngày 23 tháng 02 năm 2016 của ông Nguyễn Văn Đ do ông Q cung cấp theo bà chữ viết và chữ ký không phải của ông Đ, nội dung cũng không thể hiện nhà và đất tại Số X đường Y là tài sản chung.

Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của ông Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Không có.

[1.3] Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T (Nguyễn Thanh D) trình bày: Vào năm 1997, ông có đứng tên mua giùm cho bà Nguyễn Thị H01 mảnh đất với diện tích là 80 m² của ông Nguyễn Văn Đ. Đến năm 2000, ông đã ủy quyền lại cho bà H và xác nhận đây là đất ông đứng tên giùm bà H, ông không biết ông Q là ai. Ông xác định không liên quan đến tranh chấp giữa ông Q và bà H đối với tài sản là nhà và đất tại số X đường Y, Khu phố C, phường A, quận H1, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Quốc B1 và bà Nguyễn Thị L trình bày: Vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng nhà và đất tại số X đường Y, Khu phố C, phường A, quận H1 vào năm 2019 từ bà Nguyễn Thị H. Việc nhận chuyển nhượng của ông bà được thực hiện hợp pháp, đã đăng bộ sang tên đúng quy định của pháp luật. Ông bà không liên quan và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Năm 2020, ông bà đã chuyển nhượng nhà và đất nêu trên cho ông Phạm Xuân P và bà Nguyễn Thị Bích C.

[1.5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân P và bà Nguyễn Thị Bích C trình bày: Ngày 17 tháng 12 năm 2020, vợ chồng ông bà có mua căn nhà số X đường Y, Khu phố C, phường A, quận H1 của ông Dương Quốc B1 và bà Nguyễn Thị L với giá 1.000.000.000 đồng, thủ tục mua bán đã được ông bà thực hiện hợp pháp, ông bà không biết việc tranh chấp giữa ông Q và bà H. Do đó, đây là tài sản hợp pháp của ông bà, ông Q không được Q xâm phạm.

[1.6] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị P1 trình bày: Ngày 28 tháng 5 năm 2021, ông Thiện có mua căn nhà số X đường Y, Khu phố C, phường A, quận H1 của vợ chồng bà C với giá là 1.500.000.000 đồng, có ký hợp đồng công chứng và đã sang tên trên giấy tờ. Ông bà không liên quan và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

[1.7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Tùng trình bày: Ông đang thuê nhà số X đường Y, phường A, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Lê Văn T1. Ông chỉ là người thuê nên không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

[1.8] Người đại diện theo ủy quyền của người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh không có ý kiến gì trong vụ án này và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 156/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Xuân Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị H.

1.2. Về con chung: Giữa ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị H có một con chung là Phạm Anh T3, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1998 đã thành niên.

1.3. Về nợ chung: Giữa ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị H đều xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Xuân Q về việc yêu cầu phân chia tài sản là nhà và đất tại địa chỉ Số X đường Y, Khu phố C, phường A, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc H00156/2008/Tân Tạo A do Ủy ban nhân dân quận H1 cấp ngày 24 tháng 4 năm 2008.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng khác và Q kháng cáo của các đương sự.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn ông Phạm Xuân Q có đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm giải quyết tranh chấp về tài sản chung tại địa chỉ số X đường Y.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

[4.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết vụ án một cách khách quan, đảm bảo Q và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối với tài liệu, chứng cứ do Ủy ban nhân dân quận H1 cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 259 và 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự triệu tập người liên quan để phía nguyên đơn thương lượng giải quyết vụ án.

[4.2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Đối với tài liệu do Ủy ban nhân dân quận H1 cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm thể hiện tài sản đang tranh chấp đã tiếp tục được chuyển nhượng cho người khác, đây là tình tiết mới nhưng không ảnh hưởng đến Quyền lợi của nguyên đơn, bị đơn do Bản án sơ thẩm đã xác định đây là tài sản riêng của bị đơn. Do đó, không cần thiết phải hủy mà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung: Xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tài sản đang tranh chấp là nhà và đất tại địa chỉ số X đường Y, Khu phố C, phường A, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân quận H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc H00156/2008/Tân Tạo A do cấp ngày 24 tháng 4 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án, chủ Q nhà đất đang tranh chấp đã biến động và cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận 03 lần vào các ngày 01 tháng 2 năm 2019: Chuyển nhượng cho ông Dương Quốc B1; ngày 29 tháng 12 năm 2020: Chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Bích C; ngày 28 tháng 5 năm 2021: Chuyển nhượng cho ông Lê Văn T1.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu phân chia tài sản chung, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số H00156/2008/Tân Tạo A ngày 24 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân quận H1 cấp, Tòa án nhân dân quận H1 đã triệu tập đại diện Ủy ban nhân dân quận H1, triệu tập những cá nhân nhận chuyển nhượng nhà và đất đang tranh chấp tham gia tố tụng với tư cách người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận H1 cung cấp thông tin kèm theo tài liệu, chứng cứ thể hiện nhà và đất đang tranh chấp đã tiếp tục được chuyển nhượng và cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận vào ngày 21 tháng 5 năm 2024: Chuyển nhượng cho ông Tất Tô H3, sinh năm 1977, địa chỉ: Số A1 đường S2, Phường N1, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Tất Tô H3 được xác định là người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng chưa được triệu tập tham gia tố tụng. Đây là tình tiết mới phát sinh trong quá trình xét xử phúc thẩm mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, cần hủy một phần bản án sơ thẩm về phần giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung để giải quyết lại.

Ngoài ra, để đảm bảo việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, việc hủy phần quyết định của Bản án sơ thẩm giải quyết yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số H00156/2008/Tân Tạo A ngày 24 tháng 4 năm 2008 đã cấp cho bà Nguyễn Thị H đối với tài sản đang tranh chấp là cần thiết.

Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 308, Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy một phần bản án sơ thẩm về phần giải quyết phân chia tài sản chung

và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng khác: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác liên quan đến phần bản án bị hủy được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 148, Khoản 3 Điều 308, Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

I. Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 156/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh về các phần giải quyết phân chia tài sản chung và giải quyết yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

II. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, cụ thể như sau:

Căn cứ Khoản 7 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 163; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Xuân Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị H.

1.2. Về con chung: Ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị H có một con chung là Phạm Anh T3, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1998 đã thành niên.

1.3. Về nợ chung: Ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị H trình bày không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng khác:

2.1. Ông Phạm Xuân Q được miễn án phí nên hoàn trả cho ông Phạm Xuân Q 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số U ngày 07 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận lại tại cơ quan thi hành án có thẩm Q.

2.2. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác liên quan đến phần bản án bị hủy được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

III. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND quận H1, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS quận H1, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu. (TC: 25)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn